

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 07- 3 - 2025

“V/v ly hôn, nuôi con chung giữa
chị Q và anh Đ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương;

2. Ông Đặng Ngọc Tân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ M Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Quỳnh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 251/2024/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1990

- **Bị đơn:** Anh Mai Xuân Đ, sinh năm 1987

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện P, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt chị Q, vắng mặt anh Đ*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Xuân Đ tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 23/12/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh Đ. Quá trình

chung sống đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, anh Đ lại có biểu hiện không chung thủy. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 8/2024 thì vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, chị xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Mai Xuân Đ có 02 con chung là Mai Khánh V sinh ngày 06/10/2012 và Mai Nhật M sinh ngày 26/10/2016, hiện đang ở với anh Đ. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con. Nếu anh Đ không nhất trí thì chị có nguyện vọng nuôi con Mai Nhật M, chị để anh Đ trực tiếp nuôi con V, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải Q.

Tại biên bản lấy lời khai anh Mai Xuân Đ trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn và thời gian vợ chồng ly thân như chị Bùi Thị Q đã trình bày là đúng. Theo anh, quá trình chung sống đến tháng 8/2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về làm ăn kinh tế gia đình cũng thời gian đó vợ chồng ly thân. Nay chị Q có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Q không còn, anh nhất trí ly hôn chị Q.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị Q có 02 con chung như chị Q đã trình bày. Ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh không yêu cầu chị Q cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải Q.

Kết quả xác minh với cơ sở thôn T, xã A thấy: Anh Mai Xuân Đ và chị Bùi Thị Q là vợ chồng. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng thì cơ sở thôn không nắm rõ, chỉ biết hiện tại vợ chồng đã ly thân. Nay chị Q có đơn xin ly hôn, cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải Q theo quy định của pháp luật. Chị Q và anh Đ có 02 con chung là Mai Khánh V sinh ngày 06/10/2012 và Mai Nhật M sinh ngày 26/10/2016, hiện đang ở với anh Đ. Nếu Tòa án giải Q cho chị Q, anh Đ ly hôn, về giao con cho ai nuôi và cấp dưỡng cho con đề nghị Tòa án giải Q theo quy định của pháp luật. Về tài sản, cơ sở thôn không nắm rõ.

Hiện tại, chị Q là công nhân còn anh Đ là lao động tự do tại địa phương còn thu nhập cụ thể thì cơ sở thôn không nắm rõ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải Q vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải Q vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng nên Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Bùi Thị Q được ly hôn anh Mai Xuân Đ; Về nuôi con chung: Xử giao con chung Mai Khánh V sinh ngày 06/10/2012 cho anh Mai Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Mai Nhật M sinh ngày 26/10/2016 cho chị Bùi Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền đi lại thăm nom và giáo dục con chung mà không ai bị cản trở; Về tài sản: Không đặt ra giải Q; Về án phí: Chị Q phải chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Q khởi kiện ly hôn và nuôi con chung với anh Mai Xuân Đ. Do anh Đ là bị đơn cư trú tại Thôn T, xã A, huyện P nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác M, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Q và anh Mai Xuân Đ là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 23/12/2011 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến đầu năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, nhất là trong việc làm ăn kinh tế của gia đình, chị Q còn nghi ngờ anh Đ có biểu hiện không chung thủy. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 8/2024, thì vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, chị xin ly hôn anh Đ. Tòa án đã ấn định thời gian hòa giải nhưng anh Đ không có mặt, anh Đ không có thiện chí hòa giải. Mặt khác thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị Q và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị Q được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị Q và anh Mai Xuân Đ có 02 con chung là Mai Khánh V sinh ngày 06/10/2012 và Mai Nhật M sinh ngày 26/10/2016, hiện đang ở với anh Đ. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung nếu anh Đ không nhất trí thì chị có nguyện vọng nuôi con Mai Nhật M, chị để anh Đ nuôi dưỡng con Mai Khánh V, chị và anh Đ không phải cấp dưỡng cho con. Còn anh Đ có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh không yêu cầu chị Q cấp dưỡng cho con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị Q,

anh Đ là chính đáng, cả hai đều có điều kiện nuôi con ngang nhau, các con chung đều có nguyện vọng ở với mẹ. Tuy nhiên, con M nhỏ hơn cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nên cần giao con M cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao con V cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền đi lại thăm nom giáo dục con chung mà không ai được cản trở là đáp ứng được nguyện vọng của các đương sự và phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản: Chị Bùi Thị Q và anh Mai Văn Đ đều không yêu cầu Toà án giải Q nên về tài sản Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Q và anh Mai Xuân Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Q được ly hôn anh Mai Xuân Đ.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con chung Mai Khánh V sinh ngày 06/10/2012 cho anh Mai Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Mai Nhật M sinh ngày 26/10/2016 chị Bùi Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Q, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền đi lại thăm nom và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Q, anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Hội đồng xét xử không giải Q.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng chị Q đã nộp theo biên lai thu số 0004951 ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thành tiền án phí

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Q có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Mai Xuân Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự h. Quỳnh Phụ;
- Nơi ĐKKH: UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên